TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẾN LỨC** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2020/HS-ST
Ngày: 27-4-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN LỨC, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hùng Cường.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Chí Cường.

2. Ông Lê Văn Thuận.

- T3 ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thắm – T3 ký Tòa án nhân dân huyện Bến Lức.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Khắc Bình – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 4 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 10/2020/TLST-HS ngày 20 tháng 01 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2020/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 3 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2020/HSST-QĐ ngày 26 tháng 3 năm 2020 và thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 01/2020/TB-TA ngày 22 tháng 4 năm 2020 đối với bị cáo:

Nguyễn Trung N, tên gọi khác: không, sinh năm 1994 tại T. ĐKTT: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang; Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: 11/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Chí T, sinh năm 1976 và bà Trần Thị Thúy H, sinh năm 1975; bản thân có vợ tên Nguyễn Thị Anh T, có 01 con sinh năm 2014; Tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/7/2019 cho đến nay có mặt.

- Bị hại:

1. Nguyễn Thị H1, sinh năm 1975 (Vắng mặt)

2. Nguyễn Đăng T1, sinh năm 1974 (Có mặt)

Cùng ĐKTT: Ấp 1, xã T, huyện B, tỉnh Long An.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Lê Tấn T2, sinh năm 1995.

ĐKTT: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang (Vắng mặt).

2. Nguyễn Thị Anh T3, sinh năm 1989

ĐKTT: Ấp 1B, xã A, huyện B, tỉnh Long An (Có mặt).

3. Lê Văn T4, sinh năm 1980

ĐKTT: Ấp 6, xã T, huyện B, tỉnh Long An (Vắng mặt - có đơn xin vắng mặt).

4. Công ty TNHH H.

Địa chỉ: tổ 6, khu phố P, phường H, thị xã B, tỉnh Bình Dương (Vắng mặt).

5. Công ty tài chính TNHH S.

Địa chỉ: đường P, phường X, quận Y, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Lê Thanh T5, sinh năm 1984

ĐKTT: Ấp B, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Trung N và Lê Tấn T2 có mối quan hệ bà con cô cậu với nhau, nên vào ngày 05/9/2018 N nhờ T2 đứng tên mua giùm 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Vario, màu đỏ-đen biển số 63B8-206.24, trị giá 53.500.000đ tại cửa hàng xe gắn máy H, ở tổ 6, khu phố P, phường H, thị xã B, tỉnh Bình Dương, do anh Nguyễn Văn T quản lý với hình thức mua trả góp thông qua ký hợp đồng vay thế chấp với Công ty tài chính TNHH S. Khi mua xe, cửa hàng H bắt buộc trả góp trước số tiền 5.500.000đ, N không đủ tiền nên chỉ trả trước số tiền 2.000.000đ, xin nợ lại số tiền 3.500.000đ (hẹn đến khi nhận biển số xe sẽ trả) và nhận xe về sử dụng. Sau khi đem xe về sử dụng, do chưa có tiền để nhận biển số xe tại cửa hàng xe H, nên N mua giả 01 biển số 62N1-557.38 của Lê Văn T4, ngụ: ấp 1, xã T, huyện B, tỉnh Long An gắn vào xe Vario để sử dụng và nảy sinh ý định làm giấy chứng nhận đăng ký xe giả với biển số xe giả 62N1-557.38 cho xe Vario để đem xe đi cầm. N vào tài khoản Facebook "TuanThanh" đặt mua 01 giấy chứng nhận đang ký xe giả biển số 62N1-557.38, tên chủ xe là Nguyễn Thị Anh T3 vợ của N với giá 2.500.000đ. Ngày 29/10/2018, N nói với T3 xe trên do T3 đứng tên và cùng T3 đến dịch vụ cầm đồ B, tại ấp 1, xã T, huyện B, do ông Nguyễn Đăng T1 làm chủ để cầm xe trên. Anh T1 kiểm tra thông tin giấy chứng nhận đăng ký xe trùng khớp với xe Vario gắn biển số giả 62N1-557.38 nên tin là thật, đồng ý nhận cầm với số tiền 35.000.000đ và làm hợp đồng thế chấp với T3, N nhận tiền và tiêu xài cá nhân hết. Ngày 29/11/2018, hết hạn hợp đồng thế chấp nhưng N và T3 không đóng tiền lãi theo thỏa thuận, anh T1 liên hệ với N nhiều lần nhưng N cứ hứa hẹn. Khoảng 03 tháng sau, N vẫn không liên hệ trả tiền để chuộc xe, anh T1 thanh lý hợp đồng thì phát hiện giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô trên là giả nên làm đơn tố cáo N và T3 đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện. Qua điều tra, N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại Bản kết luận giám định số 116/KL-HĐĐG ngày 18/3/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Long An, kết luận: 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 010372, tên chủ xe: Nguyễn Thị Anh T3, sinh năm: 1989, nơi thường trú: ấp 1B, xã A, huyện B, tỉnh Long An; biển số xe: 62N1-557.38, nhãn hiệu Honda; dung tích xi lanh: 149; màu sơn: đỏ; số máy: JM51E1047699; số khung: 5119JK047671 do Phòng cảnh sát giao thông đường bộ Công an tỉnh Long An cấp ngày 26/9/2018 là giả.

Tại cáo trạng số 15/CT-VKSBL ngày 20/01/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức truy tố Nguyễn Trung N về tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" quy định tại điểm d khoản 2 Điều 341 và tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 174 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Trung N hoàn toàn thừa nhận hành vi phạm tội bị cáo thực hiện đúng như nội dung cáo trạng đã nêu. Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức truy tố bị cáo Nguyễn Trung N về tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 341 và tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 174 của Bộ luật hình sự năm 2015 là đúng người, đúng tội đúng pháp luật, không oan.

Bị hại anh Nguyễn Đăng T1 và Nguyễn Thị H1 trình bày: Khoảng 13 giờ 00 phút ngày 29/10/2018 anh đang ở tiệm cầm đồ Băng Tâm (do vợ là Nguyễn Thị H1 đứng tên trên giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) thì có 02 vợ chồng Nguyễn Trung N, Nguyễn Thị Anh T3 đến hỏi cầm 01 xe máy nhãn hiệu Honda, biển số xe: 62N1-557.38 với số tiền 40.000.000đ. Sau khi xem giấy tờ thì anh đồng ý cầm xe với số tiền 35.000.000đ, thời hạn cầm 30 ngày, lãi suất 2%/tháng. Khi đến hạn không thấy N và T3 đến đóng lãi hay chuộc xe, nhiều lần liên lạc với N không được nên anh thanh lý hợp đồng và bán xe để thu hồi vốn thì phát hiện giấy tờ xe là giả nên anh trình báo với cơ quan công an. Sau khi sự việc xảy ra, anh yêu cầu bị cáo Nguyễn Trung N bồi T3ờng số tiền 35.000.000đ đã cầm xe. Ngoài ra không còn yêu cầu gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan công ty tài chính TNHH S do Lê Thanh Th đại diện trình bày: Giữa công ty S và Công ty TNHH H có ký kết hợp đồng hợp tác ngày 28/3/2016, mục đích cung cấp tín dụng tiêu dùng cho người vay là cá nhân tại Việt Nam. Căn cứ theo Hợp đồng cấp tín dụng kiêm hợp đồng tín dụng số 2W011338869, ngày 15/9/2018 và Hợp đồng thế chấp số 2W011338869, ngày 15/9/2018 được ký kết giữa Công ty S và anh Lê Tấn T2 thì công ty sẽ cho ông T2 vay số tiền 39.900.000đ, thời hạn 18 tháng từ ngày 15/10/2018 đến 15/3/2020, lãi suất 5%/tháng, mỗi tháng phải trả 3.591.544đ, mục đích vay để mua xe mô tô biển số 63B8-206.24, nhãn hiệu Honda Vario, số máy: JM51E1047699, số khung: MH1JM5119JK047671, màu đỏ-đen, do anh Lê Tấn T2 đứng tên chủ xe. Công ty đã giải ngân chuyển khoản cho Công ty TNHH Hiếu T1 Phát nơi bán xe cho anh T2 và anh T2 nhận xe về sử dụng. Tuy nhiên từ khi ký hợp đồng thế chấp cho đến nay thì anh T2 không thanh toán khoản tiền nào cho công ty S, công ty đã nhiều lần liên hệ và đến nơi đăng ký thường trú để tìm anh T2 nhưng không gặp. Nay Công ty tài chính TNHH S yêu

cầu được nhận lại xe mô tô biển số 63B8-206.24, nhãn hiệu Honda Vario, số máy: JM51E1047699, số khung: MH1JM5119JK047671, màu đỏ-đen mà anh T2 đã thế chấp cho công ty và công ty cùng với anh T2 tự thỏa thuận giải quyết theo hợp đồng, ngoài ra không yêu cầu gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Anh T3 trình bày: Chị là vợ của bị cáo Nguyễn Trung N. Việc N mua xe chị hoàn toàn không biết, khi mua N nói để chị đứng tên nhưng chị hoàn toàn không thấy giấy xe gì. Khi đem xe về thì N sử dụng chị không sử dụng. Một thời gian sau, trong lúc chị đang làm việc thì N vào công ty kêu chị xin nghỉ 30 phút, N chở ra tiệm cầm đồ để ký tên cho N cầm xe, chị có đem theo chứng minh nhân dân, khi đến tiệm cầm đồ chị ký tên xong thì về công ty làm việc. Chị hoàn toàn không biết giấy xe chị đứng tên là do N làm giả để N đem cầm lấy tiền.

Theo lời khai tại cơ quan điều tra người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Văn T4 trình bày: Biển số xe 62N1-557.38 do anh mua bán xe cũ mà có, sau khi xe đã bán sang tên chuyển vùng đổi biển số khác còn để lại biển số này tại tiệm của anh, do mua bán xe nhiều nên anh không nhớ cụ thể. Khi N đến chơi thấy biển xe không sử dụng nên mượn để gắn vào xe Vario của N mua trả góp chưa có biển số, N nói mượn gắn vào để sử dụng đi lại, sau đó N kêu anh cho N biển số này luôn và N gửi tiền cà phê cho anh nhưng anh không nhớ N có đưa hay không, do anh nghĩ biển số không còn sử dụng nữa nên không quan tâm đến. Một thời gian sau do N cần tiền tiêu xài nên có đến mượn anh 15.000.000đ và thế chấp lại xe Vario cho anh, 01 tháng sau N mượn thêm 8.000.000đ. Do không thấy N quay lại nên anh có điện thoại kêu N đến chuộc xe và trả tiền cho anh. Đến ngày 29/10/2018 N nói với anh là đem xe cầm chỗ khác để lấy tiền trả lại cho anh, anh đồng ý và N nhờ anh chạy xe đến tiệm cầm đồ B gần chỗ anh, sau đó N cầm được xe và có trả lại cho anh số tiền 23.000.000đ. Đến khi công an mời làm việc thì anh mới biết N lừa đảo tiệm cầm đồ B. Sau khi sự việc xảy ra, thì anh cũng đồng ý giao nộp lại số tiền 23.000.000đ đã nhận của N nếu N có yêu cầu, riêng anh không yêu cầu N phải trả lại cho anh số tiền này.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức trong phần luận tội đã phân tích, đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi, các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 341 và tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 174 của Bộ luật hình sự năm 2015. Do đó cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bến lức truy tố đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, hoàn cảnh gia đình gặp khó khăn, do đó cần cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Trung N phạm tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" và "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 341, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 50, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt:

Bị cáo Nguyễn Trung N từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù về tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức".

Áp dụng khoản 1 Điều 174, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 50, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt:

Bị cáo Nguyễn Trung N từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt trong trường hợp bị cáo phạm nhiều tội, đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Trung N từ 03 năm đến 04 năm tù, thời gian tù tính từ ngày 26/7/2019.

Xét thấy bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn nên đề nghị miễn hình phạt bổ sung là hình phạt tiền cho bị cáo theo Khoản 5 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015.

Đối với Nguyễn Thị Anh T3, khi cùng bị cáo Nguyễn Trung N làm thủ tục cầm xe mô tô gắn biển số 62N1-557.38, T3 không biết N sử dụng giấy chứng nhận đăng ký xe giả đứng tên mình và khi N cầm xe được tiền thì N tiêu xài hết chị không biết, nên Cơ quan điều tra Công an huyện Bến Lức không xem xét trách nhiệm hình sự là phù hợp.

Đối với Lê Tấn T2, khi đứng tên mua xe mô tô Vario trả góp cho Nguyễn Trung N, không biết N sử dụng xe để lừa đảo chiếm đoạt tài sản, nên Cơ quan điều tra Công an huyện Bến Lức không xem xét trách nhiệm hình sự là phù hợp. Riêng việc mua xe anh đứng tên dùm cho Nguyễn Trung N, anh đồng ý giao xe cho công ty S, còn hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp giữa anh và công ty S tự thỏa thuận giải quyết với nhau.

Đối với Lê Văn Thánh, khi bán biển số 62N1-557.38 cho Nguyễn Trung N, không biết N sử dụng biển số trên để lừa đảo chiếm đoạt tài sản, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bến Lức không xem xét trách nhiệm hình sự là phù hợp. Riêng số tiền 23.000.000đ do N mượn của anh và thế chấp xe Vario là do N không có tiền trả nên N kêu anh giao xe lại cho N để cầm chỗ khác lấy tiền trả lại cho anh, nay nếu N yêu cầu trả lại thì anh cũng đồng ý.

Đối với hành vi làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức, do Nguyễn Trung N khai đặt mua giấy chứng nhận đăng ký xe giả qua tài khoản Facebook "TuanThanh", nên Cơ quan điều tra không có cơ sở xác minh để xử lý.

Về trách nhiệm dân sự: Sau khi xự việc xảy ra, bị hại anh Nguyễn Đăng T1, chị Nguyễn Thị H1 yêu cầu bị cáo Nguyễn Trung N bồi thường số tiền 35.000.000đ đã cầm xe. Tại phiên tòa bị cáo tự nguyện bồi thường lại cho anh T1, chị H1 số tiền trên nên đề nghị Hội đồng xét xử công nhận.

Công ty tài chính TNHH S yêu cầu được nhận lại xe mô tô biển số 63B8-206.24, nhãn hiệu Honda Vario, số máy: JM51E1047699, số khung: MH1JM5119JK047671, màu đỏ-đen, ngoài ra không yêu cầu gì khác. Căn cứ theo Hợp đồng cấp tín dụng kiêm hợp đồng tín dụng số 2W011338869, ngày 15/9/2018 và Hợp đồng thế chấp số 2W011338869, ngày 15/9/2018 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Công ty tài chính TNHH S. Riêng hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp giữa công ty S và anh Lê Tấn T2 tự thỏa thuận giải quyết với nhau không xem xét trong vụ án này.

Anh Lê Tấn T2 tự khắc phục hậu quả, không yêu cầu gì về dân sự nên không xét đến.

Về vật chứng:

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Vario, số máy: JM51E1047699, số khung: MH1JM5119JK047671, màu đỏ đen, dán đề can màu xanh và 01 biển số xe: 63B8-206.24, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 giao lại cho Công ty tài chính TNHH HD SaiSon.

- 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 010372, tên chủ xe: Nguyễn Thị Anh T3, đây là giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô giả nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 giao Công an huyện Bến Lức xử lý theo thẩm quyền.

- 01 biển số xe 62N1-557.38, theo xác minh phương tiện giao thông cơ giới đường bộ do bà Phan Thị Kim T đứng tên đăng ký, do đó đề nghị giao lại cho Công an huyện Bến Lức xem xét xử lý.

- 01 giấy chứng minh nhân dân số: 312185695 của Nguyễn Trung N, đề nghị giao trả lại cho bị cáo N.

(Vật chứng trên hiện Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Lức đang tạm giữ).

- 01 hợp đồng thế chấp số "5" (bản chính), ngày 29/10/2018 của Dịch vụ cầm đồ B, đề nghị lưu giữ theo hồ sơ vụ án.

Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận hành vi của mình đúng như cáo trạng và lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát đã nêu. Bị cáo không tranh luận, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không tranh luận.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Bến Lức, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ

tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bản kết luận giám định và các chứng cứ khác mà cơ quan điều tra đã thu thập được thẩm tra tại phiên tòa đã đủ cơ sở khẳng định, do có quan hệ bà con với nhau, nên vào ngày 05/9/2018 Nguyễn Trung N nhờ Lê Tấn T2 đứng tên mua xe mô tô trả góp dùm thì T2 đồng ý. N và T2 đến cửa hàng xe gắn máy H ở tổ 6, khu phố P, phường H, thị xã B, tỉnh Bình Dương mua xe mô tô nhãn hiệu Honda Vario, màu đỏ-đen trị giá 53.500.000đ, thông qua hình thức trả góp ký hợp đồng vay thế chấp với Công ty tài chính TNHH S. Do chưa có biển số xe nên N mua 01 biển số 62N1-557.38 của anh Lê Văn T4 để gắn vào xe Vario sử dụng đi lại. Sau đó N đặng nhập vào tài khoản Facebook "TuanThanh" mua giấy chứng nhận đăng ký xe giả đứng tên chủ xe là Nguyễn Thị Anh T3, vợ của N. Ngày 29/10/2018, N cùng với T3 đến tiệm cầm đồ B do chị Nguyễn Thị H1 làm chủ và gặp anh Nguyễn Đăng T1 là chồng chị H1, dùng giấy chứng nhận đăng ký xe giả để cầm xe Vario trên với số tiền 35.000.000đ, N nhận tiền và tiêu xài cá nhân hết. Khi đến hạn thanh toán N không trả tiền gốc và lãi, anh T1 thanh lý hợp đồng thì phát hiện giấy chứng nhận đăng ký xe Vario, biển số 62N1-557.38 là giả nên làm đơn tố cáo hành vi phạm tội của N. Như vậy có đủ cơ sở kết luận bị cáo Nguyễn Trung N phạm tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" và "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 341 và khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015. Do đó, cáo trạng truy tố bị cáo và lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, đúng pháp luật, không oan.

Hành vi trái pháp luật của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến hoạt động bình thường của cơ quan, tổ chức trong lĩnh vực quản lý hành chính nhà nước, ảnh hưởng đến hoạt động quản lý của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền, với bản tính tham lam, tư lợi, vì mục đích cá nhân, để có tiền tiêu xài phục vụ cho lợi ích bản thân, bị cáo thực hiện hành vi lên trang Facebook tìm người làm giấy đăng ký xe giả, mục đích dùng thủ đoạn gian dối làm người khác tưởng giả là thật, tưởng kẻ gian là người ngay để bị cáo cầm xe chiếm đoạt số tiền 35.000.000đ của tiệm cầm đồ anh Nguyễn Đăng T1. Bị cáo thực hiện do lỗi cố ý trực tiếp, đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Bị cáo cũng nhận biết việc lừa đảo để chiếm đoạt tài sản của anh T1, chị H1 để tiêu xài là vi phạm pháp luật nhưng vì lợi ích cá nhân bị cáo bất chấp. Hành vi của bị cáo gây mất trật tự trị an ở địa phương. Do đó cần áp dụng hình phạt buộc cách ly khỏi xã hội đối với bị cáo trong thời gian nhất định để răn đe giáo dục và phòng ngừa chung.

Tuy nhiên, xem xét về tính chất, mức độ hành vi và nhân thân bị cáo: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, hiện hoàn cảnh gia đình bị cáo gặp khó khăn nên xem xét giảm cho bị cáo một phần về hình phạt theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[3] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo có điều kiện hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung với bị cáo theo quy định tại khoản 4 Điều 341 và khoản 5 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[4] Đối với Nguyễn Thị Anh T3, khi cùng bị cáo Nguyễn Trung N làm thủ tục cầm xe mô tô gắn biển số 62N1-557.38, T3 không biết N sử dụng giấy chứng nhận đăng ký xe giả đứng tên mình để N thực hiện mục đích lừa dối cầm xe lấy tiền thì tiêu xài, nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Bến Lức không xem xét trách nhiệm hình sự là phù hợp.

Đối với Lê Tấn T2, khi đứng tên mua xe mô tô Vario trả góp cho Nguyễn Trung N, không biết N sử dụng xe để lừa đảo chiếm đoạt tài sản, nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Bến Lức không xem xét trách nhiệm hình sự là phù hợp. Riêng xe Vario, anh đồng ý giao xe cho công ty S, còn hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp giữa anh và công ty S tự thỏa thuận giải quyết với nhau, anh không có ý kiến hay yêu cầu gì.

Đối với Lê Văn T4, khi bán biển số 62N1-557.38 cho Nguyễn Trung N, không biết N sử dụng biển số trên để lừa đảo chiếm đoạt tài sản, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bến Lức không xem xét trách nhiệm hình sự là phù hợp. Riêng số tiền 23.000.000đ do N mượn của anh và thế chấp xe Vario là do N không có tiền trả nên N kêu anh giao xe lại cho N để cầm chỗ khác lấy tiền trả lại cho anh, nay nếu N yêu cầu trả lại thì anh cũng đồng ý, không ý kiến hay yêu cầu gì.

Đối với hành vi làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức, do Nguyễn Trung N khai đặt mua giấy chứng nhận đăng ký xe giả qua tài khoản Facebook "TuanThanh", nên Cơ quan điều tra không có cơ sở xác minh để xử lý.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Sau khi xự việc xảy ra, bị hại anh Nguyễn Đăng T1, chị Nguyễn Thị H1 yêu cầu bị cáo Nguyễn Trung N bồi thường số tiền 35.000.000đ đã cầm xe. Tại phiên tòa bị cáo tự nguyện bồi thường lại cho anh T1, chị H1 số tiền trên nên áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự và Điều 589 Bộ luật dân sự ghi nhận sự tự nguyện bồi thường của bị cáo Nguyễn Trung N theo yêu cầu của các bị hại. Bị cáo Nguyễn Trung N có trách nhiệm bồi thường cho anh Nguyễn Đăng T1, chị Nguyễn Thị H1 số tiền 35.000.000đ. Ghi nhận bị cáo không yêu cầu Lê Văn T4 trả lại số tiền 23.000.000đ.

Công ty tài chính TNHH S yêu cầu được nhận lại xe mô tô biển số 63B8-206.24, nhãn hiệu Honda Vario, số máy: JM51E1047699, số khung: MH1JM5119JK047671, màu đỏ-đen, ngoài ra không yêu cầu gì khác. Căn cứ theo Hợp đồng cấp tín dụng kiêm hợp đồng tín dụng số 2W011338869, ngày

15/9/2018 và Hợp đồng thế chấp số 2W011338869, ngày 15/9/2018, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu giao xe trên cho Công ty tài chính TNHH S để thực hiện hợp đồng dân sự giữa công ty S và anh Lê Tấn T2.

Công ty TNHH H và anh Lê Tấn T2 không có yêu cầu gì về dân sự nên không xét đến.

[6] Về vật chứng:

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Vario, số máy: JM51E1047699, số khung: MH1JM5119JK047671, màu đỏ đen, dán đề can màu xanh và 01 biển số xe: 63B8-206.24, nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 giao lại cho Công ty tài chính TNHH S.

- 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 010372, tên chủ xe: Nguyễn Thị Anh T3, đây là giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô giả nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 giao Công an huyện Bến Lức xử lý theo quy định của pháp luật.

- 01 biển số xe 62N1-557.38, theo xác minh phương tiện giao thông cơ giới đường bộ do bà Phan Thị Kim T đứng tên đăng ký, do đó giao lại cho Công an huyện Bến Lức xem xét xử lý.

- 01 giấy chứng minh nhân dân số: 312185695 của Nguyễn Trung N nên giao trả lại cho bị cáo.

(Vật chứng trên hiện Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Lức đang tạm giữ).

- 01 hợp đồng thế chấp số "5" (bản chính), ngày 29/10/2018 của Dịch vụ cầm đồ B nên lưu giữ theo hồ sơ vụ án.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Điều 23, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban T3ờng vụ Quốc hội về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Trung N phạm tội *"Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" và "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"*.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 341, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 50, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt:

Bị cáo Nguyễn Trung N 02 (hai) năm tù về tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức".

Áp dụng khoản 1 Điều 174, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 50, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt:

Bị cáo Nguyễn Trung N 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự năm 2015 tổng hợp hình phạt hai tội buộc bị cáo Nguyễn Trung N phải chấp hành hình phạt chung là 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù, thời gian tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 26/7/2019.

2. Áp dụng Điều 329 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015: Tiếp tục tạm giam bị cáo Nguyễn Trung N trong thời hạn 45 (bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày 27-4-2020 để đảm bảo kháng cáo, kháng nghị và thi hành án.

3. Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015, Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015:

Công nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo Nguyễn Trung N và anh Nguyễn Đăng T1, chị Nguyễn Thị H1. Bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho anh Nguyễn Đăng T1, chị Nguyễn Thị H1 số tiền 35.000.000 đồng (Ba mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

- Giao cho Công ty tài chính TNHH S 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Vario, số máy: JM51E1047699, số khung: MH1JM5119JK047671, màu đỏ đen, dán đề can màu xanh và 01 biển số xe: 63B8-206.24 do Lê Tấn T2 đứng tên.

- Giao Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Bến Lức 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô giả số 010372, tên chủ xe: Nguyễn Thị Anh T3 để xử lý theo quy định của pháp luật.

- Giao Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Bến Lức 01 biển số xe 62N1-557.38 để xử lý theo quy định của pháp luật.

- Giao trả lại cho bị cáo Nguyễn Trung N 01 giấy chứng minh nhân dân số: 312185695 tên Nguyễn Trung N.

(Vật chứng trên hiện Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Lức đang tạm giữ).

Áp dụng Điều 89, 90, 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015: Tiếp tục lưu giữ lại trong hồ sơ vụ án: 01 hợp đồng thế chấp số "5" (bản chính), ngày 29/10/2018 của Dịch vụ cầm đồ B.

5. Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Điều 23, 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội buộc bị cáo Nguyễn Trung N phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và

1.750.000 đồng (Một triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

6. Án xử sơ thẩm công khai, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân tỉnh Long An;
- Sở tư pháp tỉnh Long An;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra huyện Bến Lức;
- Nhà tạm giữ công an huyện Bến Lức;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Bến Lức;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lê Hùng Cường